

Bản án số: 09/2026/DS-PT

Ngày 24 - 02 - 2026

Về "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp  
đồng công chứng vô hiệu"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thị Hải Dương.

*Các Thẩm phán:* ông Trần Anh Tuấn; Ông Trần Việt Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2025/TLST-DS ngày 13/11/2025, về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Trị bị kháng cáo - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXX-DSPT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Tổ G L, phường T, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Khu phố A, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng C1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số A L, phường N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị), có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị L1; có cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Vũ Minh H2; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H3; địa chỉ: Thôn F, xã D, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Tổ G T, phường T, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- + Bà Nguyễn Thị Thanh T2 (Nguyễn Thị T2); địa chỉ: Số G T, Khu phố F, xã V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị N1; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị T3; địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* BỐ, mẹ của bà L là cụ Nguyễn Thái T4 và cụ Nguyễn Thị M, có 08 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị T1. Cụ T4- chết năm 2001, ông T5 chết năm 2017.

Khi còn sống, cụ T4 cùng cụ M tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất với diện tích 3.235m<sup>2</sup> địa chỉ tại thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, (nay là thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị). Năm 2010, cụ M làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận số BD 246095 ngày 29/9/2010, diện tích 3.235m<sup>2</sup> mang tên Nguyễn Thị M.

Ngày 29/10/2010, tại Phòng Công chứng tỉnh Q, cụ M, bà H, bà L, bà H3 và bà T1 lập văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế của cụ T4 là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số BD 246095 có nội dung: Bà H, bà L, bà H3 và bà T1 đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng cho cụ M. Văn bản được công chứng.

Cũng trong ngày, cụ M lập di chúc, với nội dung: Để lại toàn bộ phần tài sản của cụ là quyền sử dụng 3.235 m<sup>2</sup> đất theo Giấy chứng nhận số BD 246095 và ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất (ngôi nhà) cho con gái là bà L. Di chúc được công chứng.

Sau đó, cụ M chia thừa đất theo Giấy chứng nhận số BD 246095 thành 08 thửa, mỗi người con gái của cụ được quyền sử dụng một thửa, thửa còn lại đứng tên cụ có diện tích 492m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận số BK 326263 do UBND huyện C cấp ngày 13/8/2014.

Ngày 20/10/2014, bà H đã đưa cụ M đến Văn phòng C1 lập di chúc với nội dung: Sau khi qua đời sẽ để lại di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận số BK 326263 cho bà H được quản lý, sử dụng và làm nơi thờ cúng.

Ngày 10/11/2019, cụ M chết. Ngày 07/12/2022, bà H đến Phòng Công chứng làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo Thông báo số 170/TB-VPCCDH ngày 08/12/2022 và được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện C. Sau đó, bà H đã được cập nhật chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Đến thời điểm đó, gia đình bà L mới biết việc bà L được cụ M để lại di chúc cho hưởng tài sản. Tại thời điểm lập di chúc, cụ M đã già yếu, hay ốm đau, tinh thần không được minh mẫn, sáng suốt, lúc quên lúc nhớ. Bà H đã lợi dụng thời điểm cụ M sống với bà H không còn được minh mẫn, sáng suốt để lập di chúc.

Bà khởi kiện yêu cầu:

+ Tuyên bố di chúc do cụ Nguyễn Thị M lập ngày 20/10/2014 tại Phòng công chứng, vô hiệu.

+ Tuyên quyền thừa kế, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 326263 đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 24CL có diện tích 492m<sup>2</sup> tại thôn P vô hiệu.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị H tại văn bản ngày 10 tháng 5 năm 2024 gửi Tòa án văn bản nêu ý kiến như sau:* Cuối năm 2014, cụ M (lúc đó còn rất tinh táo, minh mẫn) có đưa cho bà H một văn bản di chúc và nói: Sau này Cụ chết thì bà H đứng tên, trông coi đất và nhà của C để làm nhà thờ, không được bán hay cho tặng gì cho ai. Trong Di chúc cụ M đã nhờ công chứng ghi rõ và những di chúc được lập trước đây đều không có hiệu lực pháp luật, bà H cứ làm theo di chúc của C.

Năm 2019, cụ M chết. Năm 2022, bà H làm thủ tục sang tên theo di chúc và đến năm 2023 thì hoàn tất. Ngày 04/6/2023, bà L tự ý vào nhà bà H đe dọa và đã lấy đi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cụ M đã di chúc lại cho bà H. Bà H chưa làm sai nguyện vọng của cụ M theo Di chúc nên không ai có quyền yêu cầu Tòa án hủy Di chúc và Giấy chứng nhận QSD đất mà cụ M để lại cho bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án bác Đơn khởi kiện của bà L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Bà T, bà L1 và bà H3 đều đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

- Văn phòng công chứng, UBND xã H, bà H1, bà T1, bà N, ông K, bà T2, bà N1 và bà T3 đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, không giao nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Riêng bà H1 có văn bản gửi đến Tòa án có nội dung: Đồng ý với di chúc của cụ M lập về việc để lại tài sản cho bà H vì đó là nguyện vọng của cụ M khi còn sống và hiện nay bà H không làm điều gì trái với nội dung di chúc.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị đã quyết định:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L2 về việc đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc do cụ Nguyễn Thị M lập ngày 20/10/2014 tại Phòng công chứng vô hiệu và tuyên quyền thừa kế, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 326263 đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 24CL có diện tích 492m<sup>2</sup> tại thôn P vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/10/2025, bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án số 30/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Trị, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Trị theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Di chúc cụ M để lại cho bà H đất và nhà trên đất làm nơi thờ cúng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi quyền sử dụng dadasrt là không đúng; Di chúc phải có hai người làm chứng trở lên nhưng di chúc cụ M để lại tài sản cho bà H chỉ có một người làm chứng là không hợp pháp; Khi lập di

chức bà M không minh mẫn sáng suốt, không có giấy chứng nhận của bệnh viện về việc bà M còn minh mẫn khi lập di chúc; Bà L xuất trình biên bản họp gia đình năm 2018 có nội dung bà M để lại cho bà lan quản lý di sản nhưng cấp sơ thẩm chưa đánh giá nhận định về tài liệu này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Riêng bà H3 và đại diện theo ủy quyền của bà T là ông H2 đều nhất trí với nội dung kháng cáo của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề đảm bảo sự đoàn kết của chị em trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Kháng cáo của nguyên đơn cho rằng di chúc bà M lập ngày 20/10/2014 để lại nhà và đất cho bà H để làm nơi thờ cúng nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi bà H có quyền sử dụng là không đúng, Hội đồng xét xử thấy:

Cụ Nguyễn Thái T4 và cụ Nguyễn Thị M có 8 người con chung là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn T5 (ông T5 chết năm 2017), bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị T1. Khi còn sống, cụ T4, cụ M có tạo lập được thửa đất diện tích 3.235m<sup>2</sup> nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, cụ T4 chết. Năm 2010, thửa đất trên được UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị M. Các đồng thừa kế của cụ T4 không có ý kiến gì về việc cụ M đứng tên quyền sử dụng đất.

Năm 2014, cụ M tách thửa đất theo Giấy CN số BD 246095 nêu trên thành 08 thửa, trong đó: 07 thửa cho con gái, mỗi người 01 thửa, thửa còn lại đứng tên cụ. Đó là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 24CL, diện tích 492m<sup>2</sup> tại thôn P theo Giấy chứng nhận số 326263 do UBND huyện C cấp ngày 13/8/2014.

Ngày 20/10/2014, cụ M lập di chúc, có nội dung: *Sau khi qua đời cụ M để lại tài sản là quyền sử dụng 492m<sup>2</sup> đất theo Giấy chứng nhận số BK 326263 và ngôi nhà cho bà H đứng tên trong giấy chứng nhận mang tên C, được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đồng thời lô đất và tài sản gắn liền với lô đất còn để dùng làm nơi thờ cúng bố mẹ và ông bà tổ tiên của C mãi*

*mãi; bà H không được thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn hay bất kỳ một giao dịch dân sự nào khác với bất kỳ lý do gì đối với quyền sử dụng đất và tài sản do C di chúc để lại”*

Theo nội dung di chúc thì bà H là người được chỉ định đứng tên thửa đất 231, tờ bản đồ 24 CL và sử dụng thửa đất đó làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, không được thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến việc dịch chuyển quyền sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là văn bản hành chính ghi nhận người sử dụng đất, diện tích, số thửa, địa chỉ thửa đất...không có quy định phải ghi rõ các nội dung trong di chúc hay điều kiện thừa kế. Việc không ghi nội dung di chúc lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không làm mất đi hiệu lực di chúc và không làm thay đổi bản chất di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định tại Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Vì vậy, nội dung kháng cáo này của nguyên đơn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai là không có căn cứ.

[2.2] Kháng cáo cho rằng di chúc được công chứng phải có hai người làm chứng trở lên mới có giá trị pháp lý, Hội đồng xét xử thấy: Hình thức di chúc được quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự và di chúc của cụ M lập ngày 20/10/2014 thuộc loại di chúc bằng văn bản có công chứng theo khoản 3 Điều 650 Bộ luật Dân sự 2005. Đối chiếu với quy định tại Điều 657 và 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì trình tự thủ tục công chứng di chúc của cụ M đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Di chúc cụ M không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 650 BLDS nên không cần phải có hai người làm chứng. Như vậy, nội dung kháng cáo này của nguyên đơn cũng không có căn cứ.

[2.3] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng trong thời gian lập di chúc, cụ M tuổi đã cao, trí nhớ không được minh mẫn, lúc nhớ lúc quên, không có giấy chứng nhận của bệnh viện chứng nhận cụ M còn minh mẫn để lập di chúc, Hội đồng xét xử thấy: theo quy định của pháp luật dân sự, chỉ quy định trường hợp khi nào thì một người bị coi là hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và không có quy định ngược lại là phải có giấy chứng nhận chứng minh một người trong tình trạng đầu óc minh mẫn, sáng suốt.

Theo lời khai của ông M1 là người làm chứng việc cụ M lập di chúc, ông khẳng định: Quá trình làm việc với Công chứng viên, cụ M rất minh mẫn, tinh táo, sức khỏe tốt, Công chứng viên đã lập di chúc đúng nguyện vọng của cụ M. Sau khi lập xong di chúc, công chứng viên đã đọc lại cho cụ M và ông M1 nghe. Để đảm bảo rõ ràng, minh bạch, ông M1 đã trực tiếp đọc lại cho cụ M nghe, rồi các bên mới ký tên, điểm chỉ. Do đó, ông M1 làm chứng khi cụ M lập di chúc là đúng quy định tại Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Công chứng viên cũng khẳng định tại thời điểm công chứng, cụ M có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Người kháng cáo cũng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh tại thời điểm công chứng cụ M thiếu minh mẫn, sáng suốt.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng năm 2018, cụ M minh mẫn trở lại và tại biên bản họp gia đình (không có mặt bà H), cụ M có lập di chúc thay thế di chúc được lập ngày 20/10/2014 nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá văn bản này, Hội đồng xét xử thấy: Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án thì nguyên đơn xuất trình một văn bản “Giấy ủy quyền” của cụ M và một văn bản có nội dung hợp gia đình thống nhất giao cho bà L và chồng bà L là người quản lý đất đai, thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, căn cứ vào 654 và Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hai văn bản trên không đảm bảo về mặt nội dung và hình thức của di chúc nên không có giá trị pháp lý của di chúc và không có giá trị thay thế di chúc lập ngày 20/10/2014 được công chứng theo quy định. Theo nội dung khởi kiện thì không có nội dung này nên án sơ thẩm không nhận định, đánh giá chứng cứ này là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ xác định: Cụ M để lại toàn bộ di sản (Quyền sử dụng đất và ngôi nhà) dùng vào việc thờ cúng. Bà H được chỉ định đứng tên để quản lý di sản, không được thực hiện các quyền (Chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất) theo quy định của pháp luật, đối với di sản. Bà H đang thực hiện đúng di chúc do cụ M để lại. Nếu bà H thực hiện trái nội dung của di chúc thì những người thừa kế của cụ M có quyền khởi kiện yêu cầu vô hiệu các giao dịch có liên quan đến thừa đất và tài sản trên đất nói trên.

Di chúc do cụ Nguyễn Thị M lập ngày 20/10/2014 tại Phòng công chứng, là hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Các nội dung kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị:

Áp dụng khoản 5 và khoản 11 Điều 26 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Điều 650, Điều 653, Điều 654, Điều 658, Điều 661 và Điều 670 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 31, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 51 và Điều 56 Luật Công chứng năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L2 về việc đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc do cụ Nguyễn Thị M lập ngày 20/10/2014 tại Phòng công chứng vô hiệu và không chấp nhận tuyên quyền thừa kế, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 326263 đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 24CL có diện tích 492m<sup>2</sup> tại thôn P vô hiệu.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001030 ngày 20/10/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 5 tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND khu vực 5 – Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
( ĐÃ KÝ)**

**Từ Thị Hải Dương**